| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05-3-2021

*"V/v tranh chấp ly hôn"*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán – chủ toạ phiên toà*: Ông Trần Duy Đức

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Bình

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng

***Thư ký phiên toà***: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 838/2020/TLST–HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Ngọc H, sinh năm: 1996; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phan B, sinh năm: 1989; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2020, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Ngọc H trình bày có nội dung:

Chị Trương Thị Ngọc H và anh Phan B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng kí kết hôn tại UBND phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 29 tháng 3 năm 2017.

Vợ chồng anh, chị hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng thường làm việc trái ý nhau, tính tình không hoà hợp. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng hàn gắn, hai bên gia đình cũng nhiều lần khuyên ngăn nhưng không đem lại kết quả mà mâu thuẫn

ngày càng trầm trọng hơn. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh Phan B, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phan B.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Phan Quốc Tr, sinh ngày 21/10/2018. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Quốc Tr.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh, chị không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Do đó không thể tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trương Thị Ngọc H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Phan B. Hiện tại, bị đơn Phan B đang cư trú tại khối B, phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Phan B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phan B là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Trương Thị Ngọc H và anh Phan B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 3 năm 2017 tại UBND phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên làm những việc trái ý muốn của nhau, mặc dù chị H, anh B đã nhiều lần cố gắng hàn gắn, hai bên gia đình cũng nhiều lần khuyên ngăn nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không

cải thiện được mà mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn. Nay chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh B nữa và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Theo biên bản xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương được biết: Quá trình chung sống thì chị Trương Thị Ngọc H và anh Phan B có xảy ra mâu thuẫn và đã có làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh B, chị H không yêu cầu hòa giải ở địa phương mà chuyển đến Tòa án giải quyết. Nay chị B làm đơn xin ly hôn với anh B thì địa phương cung cấp những thông tin như trên để Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Xét về mâu thuẫn giữa chị H và anh B là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị H với anh B là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Trương Thị Ngọc H và anh Phan B có 01 con chung là cháu Phan Quốc Tr, sinh ngày 21/10/2018. Hiện con chung còn nhỏ và đang ở với chị H; khi ly hôn nguyện vọng của chị H là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tr cho đến khi đủ tuổi thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu Tr nên giao cháu Phan Quốc Tr cho chị Trương Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trương Thị Ngọc H không yêu cầu anh Phan B cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trương Thị Ngọc H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên;***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Ngọc H.

Về hôn nhân: Chị Trương Thị Ngọc H được ly hôn với anh Phan B.

Về con chung: Giao con chung cháu Phan Quốc Tr, sinh ngày 21/10/2018 cho chị Trương Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tr đủ tuổi thành niên.

Anh Phan B có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trương Thị Ngọc H không yêu cầu anh Phan B phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị Trương Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp (Lê Thị Quỳnh M nộp thay) theo biên lai số 0013267 ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp B;
- UBND phường Th, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Trần Duy Đức**